TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 131/2024/DS-ST
Ngày: 13/9/2024
V/v:Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm.

2. Ông Trần Văn Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2024/TLST- DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2024/QĐXX-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ trụ sở: số 266-268, N, phường S, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Phú C – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Vũng Liêm (Theo Quyết định số: 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023,vắng mặt).

Địa chỉ: Số 87, đường N, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Phó phòng kinh doanh – Ngân hàng Thương mại cổ phần A - Chi nhánh Vĩnh Long – Phòng giao dịch Vũng Liêm (Giấy ủy quyền ngày 15/3/2024, có mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Chị Châu Thị Tuyết N, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/03/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A trình bày: Ngày 10/12/2020, Ngân hàng TMCP A có ký với chị Châu Thị Tuyết N hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, số hợp đồng 1647595. Căn cứ thu nhập của chị N, Ngân hàng đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức: 15.000.000 đồng, số thẻ: 970403-4787. Lãi suất trong hạn tại thời điểm cấp thẻ là 31,2%/năm, mục đích tiêu dùng cá nhân, khi phát sinh quá hạn, áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng. Quá trình giao dịch được thể hiện chi tiết trên bản sao kê quá hạn thẻ, thứ tự thanh toán thẻ tín dụng. Do chị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/09/2023 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu chị N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 06/03/2024 là 19.624.060 đồng, trong đó nợ gốc: 15.322.287 đồng, lãi quá hạn: 4.301.773 đồng và phải chịu lãi phát sinh từ ngày 06/03/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ vay. Chị N phải chịu toàn bộ án phí.

Đối với bị đơn Châu Thị Tuyết N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gởi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP A giữ nguyên yêu cầu chị N phải trả Ngân hàng số tiền nợ gốc là 15.322.287 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.349.254 đồng, tổng cộng là 23.671.541 đồng và phải chịu lãi phát sinh của khoản nợ vay tín dụng từ ngày 13/09/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm theo quy định tại Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-

HĐTP ngày 05/5/2017 quy định: "Trường hợp đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn". Công an xã N xác nhận bị đơn Châu Thị Tuyết N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo kết quả tra cứu thông tin trên hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư thì chị Châu Thị Tuyết N không có đăng ký tại nơi khác. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn chị N hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị N không có văn bản nêu ý kiến và không giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu và chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để giải quyết theo thủ tục chung, chị N phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 96 và 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngày 10/12/2020, giữa Ngân hàng TMCP A và chị Châu Thị Tuyết N có ký một hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, số hợp đồng 1647595. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức: 15.000.000 đồng, số thẻ: 970403-4787. Lãi suất trong hạn tại thời điểm cấp thẻ là 31,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng.

[4] Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/12/2020 thể hiện mức lãi suất tại thời điểm làm thẻ mà hai bên thỏa thuận là 31,2%/ năm. Tại mục 23.2 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định:" Ngân hàng TMCP A có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ".

[5] Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Do chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu trả số tiền nợ gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn là phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị N có nghĩa vụ trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 15.322.287

đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.349.254 đồng, tổng cộng là 23.671.541 đồng và phải chịu lãi phát sinh của khoản vay thẻ tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí như sau: 23.671.541 đồng x 5% = 1.183.500đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A. Buộc chị Châu Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc là: 15.322.287 đồng (mười lăm triệu, ba trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm tám mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn là 8.349.254 đồng (tám triệu, ba trăm bốn mươi chín ngàn, hai trăm năm mươi bốn đồng), tổng cộng là 23.671.541 đồng (hai mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi mốt ngàn, năm trăm bốn mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.Về án phí sơ thẩm:

- Chị Châu Thị Tuyết N phải nộp án phí sơ thẩm là 1.183.500đ (một triệu một trăm tám mươi ba ngàn năm trăm đồng).

- Ngân hàng TMCP A không phải nộp án phí sơ thẩm; hoàn trả Ngân hàng TMCP A số tiền nộp tạm ứng án phí 491.000đ (bốn trăm chín mươi mốt ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009010 ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND huyện Vũng Liêm
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung